

UBND QUẬN LONG BIÊN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163/PGD&ĐT
V/v: Hướng dẫn thực hiện
quy chế chuyên môn
NH 2023-2024 cấp tiểu học

Long Biên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Đ/c Hiệu trưởng các trường Tiểu học trên địa bàn Quận

Thực hiện Quyết định số 4050/QĐ-UBND, ngày 11/8/2023 và Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành và sửa đổi, bổ sung khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với cấp mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Thực hiện Công văn số 3195/SGDĐT-GDTH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT Hà Nội về việc Hướng dẫn nhiệm vụ GDTH năm học 2023-2024; Thông báo số 979-TB/QU ngày 16/8/2023 của Quận ủy Long Biên về một số nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục và Đào tạo quận Long Biên năm học 2023 – 2024,

Phòng GD&ĐT quận Long Biên hướng dẫn thực hiện Quy chế chuyên môn năm học 2023-2024 cấp tiểu học như sau:

I. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông:

1. Thực hiện kế hoạch thời gian năm học:

- Ngày bắt đầu HKI 05/9/2023 (thứ Ba), kết thúc HKI 04/01/2024 (thứ Năm), nghỉ HKI 05/01/2024 (thứ Sáu), bắt đầu HKII 08/01/2024 (thứ Hai), kết thúc HKII 24/5/2024 (thứ Sáu), kết thúc năm học 31/5/2024 (thứ Sáu). Thực hiện chương trình tuần 1 từ 05/9/2023 đến hết 08/9/2023.

- Các trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, báo cáo Phòng GD&ĐT Long Biên theo quy định.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục:

a) Xếp thời khóa biểu tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với các khối lớp 1, 2 (**Phụ lục 1**); khối lớp 3 (**Phụ lục 2**); khối lớp 4 (**Phụ lục 3**); khối lớp 5 (**Phụ lục 4**).

b) Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4:

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GD&ĐT ban hành.¹

- Đối với lớp 1 và lớp 2: Triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn đảm bảo các yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018 và được sự đồng thuận của cha mẹ học sinh, lưu hồ sơ đầy đủ theo quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội.

- Đối với lớp 3 và lớp 4: Dạy học bắt buộc môn Ngoại ngữ, Tin học cho 100% học sinh theo các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Hà Nội.²

c) Đối với lớp 5:

- Trên cơ sở CTGDPT 2006, Phòng GD&ĐT giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu đổi mới CTGDPT.³

- Tổ chức dạy học cho học sinh lớp 5 để học sinh được chuẩn bị học lớp 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018⁴. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần chú trọng rèn luyện các kỹ năng và tạo tâm thế cho học sinh lớp 5 sẵn sàng học lớp 6.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh lớp 5: Theo kế hoạch riêng của từng trường. Khảo sát theo đề chung của Phòng GD&ĐT (với 3 môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh) sau kiểm tra định kì. Kết quả không dùng để đánh giá, xếp loại học sinh trong năm học.

- Tiếp tục thực hiện phân phối chương trình Tin học lớp 5 theo hướng dẫn tại công văn số 100/PGD&ĐT ngày 28/8/2018 của Phòng GD&ĐT quận Long Biên. Thực hiện chương trình Tin học Quốc tế (Ái Mộ A, Ái Mộ B, Đô thị Sài Đồng). Triển khai Chương trình tiếng Anh tự chọn theo CTGDPT 2006.⁵

d) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân

¹ Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.

² Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 889/SGDĐT-GDTH ngày 07/4/2022 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo CTGDPT 2018; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 và Công văn số 4235/SGDĐT-GDPT ngày 24/9/2019 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học.

³ Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018.

⁴ Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 3221/SGDĐT-GDPT ngày 13/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

⁵ Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình thí điểm tiếng Anh tiểu học.

số thông qua tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

e) Dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và giáo dục địa phương:

- Việc tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” cần được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác nhằm đảm bảo nguyên tắc xây dựng chương trình của môn học và được tổ chức đánh giá học sinh như các mạch nội dung khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.⁶

- Triển khai thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 theo quy định⁷. Tiếp tục triển khai thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 khi được phê duyệt. Các trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT.

g) Triển khai giáo dục STEM

- Phòng GD&ĐT tham mưu UBND Quận quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong các nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương.⁸

- 100% các trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện giáo dục STEM bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương. Trong quá trình triển khai thực hiện cần tăng cường sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.⁹

3. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh:

a) Thực hiện đa dạng hóa các mô hình tổ chức dạy học

- TH Đô thị Sài Đồng thực hiện chương trình song ngữ (Tích hợp chương trình của Bộ và chương trình Quốc tế Cambridge với 4 môn Toán, Khoa học, Ngôn ngữ, Máy tính) với 10 lớp, mỗi khối 2 lớp.

- Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp mô hình Trường học mới¹⁰; dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột¹¹; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới¹²;

⁶ Công văn số 5576/BGDĐT-GDTH ngày 02/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục “Địa phương em” trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 cấp tiểu học.

⁷ Tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3 đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt tại các Quyết định: số 1571/QĐ-BGDĐT ngày 14/6/2022, số 2988/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2022, số 1375/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2023.

⁸ Công văn số 376/STC-NSCHX ngày 18/01/2023 của Sở Tài chính về việc đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho giáo dục STEM cấp tiểu học.

⁹ Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT, Công văn số 1099/SGDĐT-GDTH ngày của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.

¹⁰ Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18/8/2016 về việc triển khai mô hình trường học mới từ năm học 2016-2017 và Công văn số 3459/BGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2017 về việc rà soát, đảm bảo các điều kiện thực hiện mô hình trường học mới.

đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học¹³; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp Tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường¹⁴, trong đó quan tâm đến nội dung lồng ghép giáo dục quốc phòng an ninh; thực hiện giảng dạy các Bộ tài liệu chỉ đạo của Phòng GD&ĐT (**Phụ lục 5**)

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo quy định¹⁵; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học, tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Phân công sinh hoạt chuyên môn theo nhóm trường (**Phụ lục 6**).

- Triển khai dạy sáo Recorder, thành lập câu lạc bộ tại TH Gia Thụy, TH Ái Mộ B, TH Long Biên, ... trên tinh thần tự nguyện tham gia của học sinh.

- Đối với học sinh lớp 5 tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT. Đối với học sinh lớp 1, 2, 3, 4 được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

4. Thực hiện giáo dục với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:

- Thực hiện Luật Người khuyết tật 2010 Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; các nhà trường xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại đơn vị và lưu đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần,

¹¹ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác, trong đó các nhà trường chú trọng chủ động thực hiện việc sắp xếp lại nội dung dạy học một cách phù hợp, thuận lợi để áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột.

¹² Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016 về việc triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở tiểu học, trung học cơ sở.

¹³ Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

¹⁴ Bộ tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh” theo Công văn số 4634/BGDĐT-CTHSSV ngày 21/9/2016 của Bộ GD&ĐT; Bộ tài liệu “Giáo dục nếp sống thanh lịch-văn minh” cho học sinh cấp tiểu học Hà Nội năm học 2012-2013 theo Kế hoạch số 8753/KH-SGDĐT ngày 24/9/2012 của Sở GDĐT Hà Nội; giáo dục an toàn giao thông theo Công văn số 1362/BGDĐT-GDTH ngày 07/4/2021 của Bộ GD&ĐT; giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học (theo Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tại địa chỉ matsanghochay.moet.gov.vn), giáo dục về quyền con người,...

¹⁵ Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020; Công văn số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020 của Sở GDĐT; Công văn số 118/PGDĐT ngày 14/8/2020 của Phòng GD&ĐT Long Biên v/v hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học từ năm học 2020 - 2021.

một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

- Đánh giá và xếp loại học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 19/12/2009.

- PTCS Hy Vọng thực hiện chương trình nhà trường: Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT và chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 5715/QĐ-BGDĐT ngày 08/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiểu học Bồ Đề phối hợp rà soát, thống kê danh sách trẻ em trong cơ sở Bảo trợ xã hội - Chùa Bồ Đề, đảm bảo cho trẻ em được học tập đầy đủ, đúng độ tuổi và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

II. Các loại hồ sơ trong nhà trường:

1. Hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục trong trường:

Thực hiện theo Điều 21 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành điều lệ trường tiểu học và Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục.

1.1. Đối với nhà trường:

Sổ đăng bộ; Học bạ; Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp; Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường và kế hoạch hoạt động giáo dục theo năm học; Sổ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; Hồ sơ phổ cập giáo dục; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; Sổ quản lý các văn bản; Hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật (nếu có học sinh khuyết tật học tập).

1.2. Đối với giáo viên:

Kế hoạch bài dạy; Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ và theo dõi đánh giá kết quả học tập của học sinh; Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên chủ nhiệm); Sổ công tác Đội (đối với Tổng phụ trách Đội).

1.3. Đối với tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

Sổ ghi chép nội dung các hoạt động của tổ.

1.4. Hồ sơ điện tử:

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học được sử dụng hồ sơ điện tử thay thế hồ sơ giấy đảm bảo yêu cầu của công tác lưu trữ và có giá trị như hồ sơ giấy.

** Ngoài các loại hồ sơ sổ sách quy định theo Điều lệ trường tiểu học nêu ở trên, các trường cần có thêm các loại hồ sơ công việc theo quy định của Thanh tra, Thi đua, của Quận, công tác kiểm định chất lượng giáo dục*

- Hồ sơ thi đua khen thưởng

- Hồ sơ kiểm tra nội bộ trường học
- Hồ sơ tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức – người lao động
- Hồ sơ Quy chế dân chủ (công khai, phòng chống tham nhũng, ...)
- Hồ sơ tuyển sinh
- Hồ sơ thực hiện các chương trình của Quận ủy Long Biên
- Hồ sơ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh
- Hồ sơ tự đánh giá chất lượng giáo dục (KĐCL)

** Nếu trường học có học sinh bán trú; Liên kết Tiếng Anh; Thực hiện mô hình trường học điện tử ... : Thiết lập và quản lý theo quy định hiện hành*

2. Hồ sơ của cán bộ quản lý:

2.1. Hiệu trưởng

- Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường (theo giai đoạn), được Phòng GD&ĐT phê duyệt.

- Kế hoạch hoạt động giáo dục theo năm học: Kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng trên cơ sở điều kiện thực tế của đơn vị và bám sát vào nhiệm vụ năm học của ngành (theo mẫu Phụ lục 1 của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường). Kế hoạch tháng, tuần xây dựng dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường và hướng dẫn trọng tâm công tác tháng của Phòng GD&ĐT.

- Tập lưu các phiếu dự giờ (**Phụ lục 7**): Căn cứ vào thực tế nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng số tiết dự giờ phù hợp đảm bảo dự đủ 100% giáo viên nhà trường trong năm học (hình thức: báo trước, đột xuất, quan tâm dự giờ tư vấn đối với giáo viên mới và giáo viên lớp 4 đầu năm học).

- Sổ kiểm tra đánh giá giáo viên (theo mẫu).

- Sổ ghi chép nội dung các cuộc họp.

2.2. Phó hiệu trưởng

- Kế hoạch chuyên môn (có phần kế hoạch chung và dự kiến kế hoạch từng tháng trong cả năm học; tích hợp tất cả các nhiệm vụ về chuyên môn). Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng và ban hành Quy chế chuyên môn.

- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; công tác học sinh, hoạt động ngoài giờ lên lớp; công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học và xây dựng trường học an toàn, thân thiện, học sinh tích cực.

- Tập lưu các tài liệu theo dõi học sinh toàn trường (lưu giữ, tập hợp, quản lý từ các giáo viên).

- Biên bản sinh hoạt chuyên môn của nhà trường: Ghi nội dung các buổi tổ chức sinh hoạt chuyên môn do nhà trường tổ chức (Thư ký hội đồng ghi chép).

- Tập lưu các phiếu dự giờ: Thực hiện như yêu cầu đối với Hiệu trưởng.
- Sổ kiểm tra đánh giá giáo viên (theo mẫu).
- Sổ ghi chép nội dung các cuộc họp.

Lưu ý: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải có kế hoạch giảng dạy, kế hoạch bài dạy, lịch báo giảng theo quy định tại văn bản số: 03/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ GD&ĐT hợp nhất thông tư quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

3. Các loại sổ sách của giáo viên và yêu cầu về hồ sơ sổ sách:

3.1. Kế hoạch bài dạy

a) Kế hoạch bài dạy do giáo viên thiết kế bao gồm các hoạt động của học sinh và giáo viên trong quá trình dạy học một tiết học/bài học/chủ đề nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh được kiến thức và đạt được các năng lực, phẩm chất cần thiết.

b) Căn cứ vào kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được tổ chuyên môn thống nhất đề xuất và đã được Hiệu trưởng phê duyệt, giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy theo Phụ lục 3 của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường (bắt buộc với khối lớp 1,2,3,4; khuyến khích với khối lớp 5).

c) Giáo viên có thể tham khảo khung kế hoạch bài dạy (**Phụ lục 8**) để xây dựng kế hoạch bài dạy chi tiết phù hợp với tình hình thực tế, đặc trưng môn học, hoạt động giáo dục, thuận lợi trong quá trình thực hiện, đảm bảo khoa học, linh hoạt và hiệu quả.

d) Các trường có thể đăng kí với Phòng GD&ĐT việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí kế hoạch bài dạy của giáo viên; đảm bảo giáo viên lên lớp có kế hoạch bài dạy đúng yêu cầu, được Ban giám hiệu kiểm duyệt trước khi lên lớp, lưu trữ đầy đủ, khoa học phục vụ quá trình kiểm tra của các cấp quản lí.

3.2. Lịch báo giảng:

- Có thể ứng dụng công nghệ thông tin. Không báo giảng vào các ngày nghỉ lễ theo quy định. Thông tin đủ các tiết dạy thay, dạy bù theo sự thống nhất của tổ chuyên môn và được sự phê duyệt của Ban giám hiệu.

- Thứ tự các tiết dạy ghi theo phân môn. Tổng hợp số tiết sử dụng đồ dùng dạy học hàng tuần (không được sao chép).

3.3. Bảng tổng hợp kết quả giáo dục và học bạ:

- Sử dụng đúng mẫu của Bộ GD&ĐT được xuất ra từ phần mềm cơ sở dữ liệu; lưu ý các hiện tượng bất thường trong quá trình tổng hợp kết quả giáo dục cần báo cáo kịp thời với Ban giám hiệu. Bảng tổng hợp có đủ chữ kí của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và phê duyệt của Ban giám hiệu.

- Ghi đúng hướng dẫn về đánh giá, xếp loại theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GD&ĐT về hợp nhất thông tư

ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học (lớp 5); Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 (lớp 1, 2, 3, 4); Sửa lỗi sai trong học bạ (nếu có) đúng quy chế và có xác nhận số lỗi sai đã sửa của Hiệu trưởng.

3.4. Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ và theo dõi đánh giá kết quả học tập của học sinh:

- Ghi chép đầy đủ nội dung các buổi sinh hoạt chuyên môn của trường, tổ, khối, các cuộc họp của nhà trường. Dự và ghi chép đầy đủ các tiết dự giờ, chuyên đề, hội giảng...

- Dự giờ: ghi đủ nội dung rút kinh nghiệm sau tiết dạy như đánh giá rõ ưu điểm, tồn tại, hiệu quả ứng dụng CNTT, xếp loại, chữ kí người dạy. Có thể sử dụng sổ dự giờ hoặc tập lưu các phiếu dự giờ.

- Tích hợp các nội dung về theo dõi, đánh giá kết quả học tập của học sinh (công tác chủ nhiệm, bổ sung các minh chứng đánh giá học sinh ngoài thông tin trong vở và bài kiểm tra của học sinh).

3.5. Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên chủ nhiệm)

Theo mẫu quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Hà Nội phát hành. Trong thời gian chưa có mẫu của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, các trường tham khảo mẫu quy định của Phòng GD&ĐT.

3.6. Sổ sinh hoạt chuyên môn và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục (với tổ chuyên môn):

- Có thể ứng dụng công nghệ thông tin, tích hợp kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Ban giám hiệu dự sinh hoạt chuyên môn cùng các tổ, nhóm theo kế hoạch; chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ nội dung.

- Ghi đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn theo thứ tự: tuần 1+2, 3+4... Ghi đúng quy trình buổi sinh hoạt chuyên môn: Đánh giá kết quả hoạt động chuyên môn của 2 tuần trước (rõ tồn tại, hướng khắc phục); Trọng tâm chỉ đạo chuyên môn của 2 tuần tiếp theo; SHCM theo hướng nghiên cứu bài học (bước 1, bước 2+3, bước 4).

- Tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thời gian tổ chức thực hiện các môn học và hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Hiệu trưởng ban hành để tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục (theo mẫu Phụ lục 2 của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường).

3.7. Quy định các loại vở của học sinh

Thực hiện công văn số 299 /SGD&ĐT-TH ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc Hướng dẫn dạy học 2 buổi/ngày và Quy định các loại vở của học sinh tiểu học, có điều chỉnh phù hợp Chương trình GDPT 2018:

*** Lớp 1, 2, 3, 4, 5: Có 04 quyển ô li**

Vở Toán, Vở Tiếng Việt, Vở Tiếng Anh, Vở ghi bài (Dùng để ghi các môn và các phân môn còn lại).

*** Riêng lớp 1:**

Vở Ghi bài dùng từ tuần học phần Luyện tập tổng hợp của môn Tiếng Việt.

4. Hồ sơ của người làm công tác thư viện:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

5. Nhân viên thiết bị:

- Kế hoạch hoạt động tổ thiết bị trong năm học: Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ thiết bị theo cả năm học và hoạt động cụ thể cho từng tháng.

- Sổ thiết bị (theo mẫu): cập nhật thường xuyên, chia theo danh mục các môn (phân môn), các khối lớp.

- Sổ theo dõi cấp phát, mua sắm, làm mới: cập nhật thường xuyên, kèm bản photo chứng từ đồ dùng, thiết bị

- Sổ bàn giao ĐDDH (tại các lớp) theo dõi mượn, trả ĐDDH (dùng chung)

- Sổ theo dõi và tổng hợp việc sử dụng ĐDDH

- Phần mềm quản lý đồ dùng, thiết bị (nếu có)

6. Hồ sơ của Tổng phụ trách Đội, Kế toán, Y tế, Văn thư:

Theo quy định riêng của Quận đoàn, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ.

Lưu ý: Các văn bản chỉ đạo được lưu tại bộ phận văn thư và tại hồ sơ công việc của các bộ phận. Ngoài các loại hồ sơ quy định trên, căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, giáo viên và cán bộ quản lý tự lập sổ riêng của mình để thuận tiện trong việc theo dõi và có hiệu quả.

III. Tham dự và tổ chức các chuyên đề: (Phụ lục 9)

- Tham dự các lớp chuyên đề tập huấn do Sở GD&ĐT HN tổ chức và triển khai thực hiện cấp Quận (theo phân công); quan tâm các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ngoài việc thực hiện các chuyên đề theo kế hoạch của Sở GD&ĐT Hà Nội, Phòng GD&ĐT sẽ xây dựng các chuyên đề đáp ứng nhu cầu và đặc điểm riêng của quận. Đề nghị các đơn vị đề xuất nội dung thực hiện chuyên đề theo nhu cầu của nhà trường. Trên cơ sở đề xuất của các nhà trường và kế hoạch của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT sẽ xây dựng và ban hành kế hoạch chuyên đề của quận.

- Các trường tiểu học xây dựng lịch thực hiện chuyên đề các phương pháp dạy học tích cực, chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học các môn, gửi lịch về Phòng GD&ĐT (theo lịch thông báo riêng).

- Các trường cần tổ chức rút kinh nghiệm, phát huy những ưu điểm, khắc phục kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; có hình thức động viên, khen thưởng những cán bộ giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh.

IV. Các hội thi trong năm học:

- Hội thi giáo viên dạy giỏi: Các nhà trường tổ chức theo tinh thần dạy đủ môn và ở các khối lớp. Hội thi cấp Quận tổ chức ở lớp 2, lớp 3, khuyến khích với lớp 4; Thành phố tổ chức ở lớp 3 (có văn bản hướng dẫn riêng).

- Các nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh tham gia đầy đủ các cuộc thi do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Ngày hội công nghệ thông tin; Các cuộc thi vẽ, ý tưởng trẻ thơ, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, an toàn giao thông; Thiết kế bài giảng giáo dục STEM; Công nghệ thông tin; Giao lưu Olympic Tiếng Anh học sinh tiểu học cấp Quận, Thành phố; Liên hoan hợp xướng dành cho học sinh phổ thông ...

- Khuyến khích tổ chức hội thi, giao lưu, Olympic tạo những sân chơi bổ ích cho học sinh trên tinh thần tự nguyện, không thu phí, không đánh giá thi đua, không thành lập đội tuyển ôn luyện gây áp lực cho học sinh.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện quy chế chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024 của Phòng GD&ĐT quận Long Biên. Căn cứ hướng dẫn này, đề nghị các trường tiểu học trên địa bàn quận xây dựng quy chế chuyên môn của nhà trường, triển khai tới 100% cán bộ - giáo viên - nhân viên. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc, các trường phản ánh về Phòng GD&ĐT (qua tổ Tiểu học) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Đ/c Trưởng phòng; | để b/c
- Như trên;
- Lưu VP, TH (02)

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hằng

Phụ lục 1
TỔNG HỢP SỐ TIẾT HỌC 2 BUỔI/NGÀY LỚP 1, 2

Chương trình chính khóa (Căn cứ: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)			Chương trình nhà trường (Căn cứ: Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021)	
Số tiết chính khoá	Lớp 1: 25 tiết	Lớp 2: 25 tiết	Các hoạt động giáo dục và môn học tự chọn	10 tiết
1. Môn học bắt buộc:			3. Hoạt động giáo dục tự chọn:	
❖ Tiếng Việt	12	10	❖ Hoạt động thư viện	8
❖ Toán	3	5	❖ Hướng dẫn học, giáo dục ATGT	
❖ Đạo đức	1	1	❖ Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh	
❖ Tự nhiên và Xã hội	2	2	❖ Giáo dục địa phương Thành phố Hà Nội	
❖ Giáo dục thể chất	2	2	❖ Tăng cường GDTC, Nghệ thuật	
❖ Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	2	2		
2. Hoạt động giáo dục bắt buộc:			4. Môn học tự chọn:	
❖ Hoạt động trải nghiệm (lồng ghép giáo dục địa phương)	3	3	❖ Tiếng Anh	2
TỔNG SỐ: 35 TIẾT/TUẦN				

* **Hoạt động thư viện:** Các trường linh hoạt sắp xếp, bố trí việc tổ chức tiết đọc, tiết học tại thư viện theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Phụ lục 2
TỔNG HỢP SỐ TIẾT HỌC 2 BUỔI/NGÀY LỚP 3

Chương trình chính khóa (Căn cứ: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)		Chương trình nhà trường (Căn cứ: Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021)	
Số tiết chính khoá	Lớp 3: 28 tiết	Các hoạt động giáo dục và môn học tự chọn	7 tiết
1. Môn học bắt buộc:		3. Hoạt động giáo dục tự chọn:	
❖ Tiếng Việt	7	❖ Hoạt động thư viện	*
❖ Toán	5	❖ Hướng dẫn học, giáo dục ATGT	7
❖ Đạo đức	1	❖ Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh	
❖ Tự nhiên và Xã hội	2	❖ Giáo dục địa phương Thành phố Hà Nội	
❖ Giáo dục thể chất	2	❖ Tăng cường GDTC, Nghệ thuật	
❖ Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	2		
❖ Tiếng Anh	4		
❖ Tin học và Công nghệ	2		
2. Hoạt động giáo dục bắt buộc:		4. Môn học tự chọn:	0
❖ Hoạt động trải nghiệm (lồng ghép giáo dục địa phương)	3		
TỔNG SỐ: 35 TIẾT/TUẦN			

* **Hoạt động thư viện:** Các trường linh hoạt sắp xếp, bố trí việc tổ chức tiết đọc, tiết học tại thư viện theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Phụ lục 3
TỔNG HỢP SỐ TIẾT HỌC 2 BUỔI/NGÀY LỚP 4

Chương trình chính khóa (Căn cứ: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)		Chương trình nhà trường (Căn cứ: Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021)	
Số tiết chính khóa	Lớp 4: 30 tiết	Các hoạt động giáo dục và môn học tự chọn	5 tiết
1. Môn học bắt buộc:		3. Hoạt động giáo dục tự chọn:	
❖ Tiếng Việt	7	❖ Hoạt động thư viện	*
❖ Toán	5	❖ Hướng dẫn học, giáo dục ATGT	5
❖ Đạo đức	1	❖ Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh	
❖ Lịch sử và Địa lí	2	❖ Giáo dục địa phương Thành phố Hà Nội	
❖ Khoa học	2		
❖ Giáo dục thể chất	2		
❖ Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	2		
❖ Tiếng Anh	4		
❖ Tin học và Công nghệ	2		
2. Hoạt động giáo dục bắt buộc:		4. Môn học tự chọn:	0
❖ Hoạt động trải nghiệm (lồng ghép giáo dục địa phương)	3		
TỔNG SỐ: 35 TIẾT/TUẦN			

* **Hoạt động thư viện:** Các trường linh hoạt sắp xếp, bố trí việc tổ chức tiết đọc, tiết học tại thư viện theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Phụ lục 4
TỔNG HỢP SỐ TIẾT HỌC 2 BUỔI/NGÀY LỚP 5

Tiết học/ Lớp	Lớp 5	Căn cứ
Số tiết chính khoá	25	Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006
Số tiết tăng cường tối đa	10 (+3)	Công văn số 8705/SGD&ĐT-TH ngày 03/9/2009
❖ Hướng dẫn học	5	
❖ Hoạt động ngoài giờ chính khóa	1	
❖ Nghệ thuật (ÂN, MT, TD)	0	
❖ Tin học	2	
❖ Tiếng Anh (chính khóa)	2	
❖ Tiếng Anh (liên kết)	2	
❖ Hoạt động thư viện	1	
TỔNG SỐ	38	

Phụ lục 5
KẾ HOẠCH TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC BỘ TÀI LIỆU
Năm học 2023 - 2024

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI - LỚP 1,2,3; GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC; GIÁO DỤC NẾP SỐNG THANH LỊCH - VĂN MINH; PHÒNG CHỐNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH

Khối	Thời gian	Chương trình	Triển khai
Khối 1,2,3,4,5	Tuần 1 đến tuần 5	* Bộ tài liệu ATGT 1. Sử dụng Bộ tài liệu “Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học” (5 bài) 2. Sử dụng bộ “Tài liệu điện tử an toàn giao thông” dành cho học sinh tiểu học (gồm 10 tài liệu điện tử dành cho cả 5 khối lớp – HS có thể tự học) * Thực hiện theo Công văn số 2665/SGDDT-GDTH ngày 06/9/2022 về việc hướng dẫn tổ chức giáo dục an toàn giao thông cấp Tiểu học.	Ghi rõ từng khối dạy vào tiết nào trong PPCT, TKB
Khối 1,2,3,4,5	Tuần 6 đến tuần 15	Bộ tài liệu Giáo dục NSTLVM (10 bài)	Ghi rõ từng khối dạy vào tiết nào trong PPCT, TKB
Khối 1 Khối 2, 3; 5 Khối 4	Tuần 16 đến tuần 21 Tuần 16 đến tuần 24 Tuần 16 đến tuần 23	- Bộ tài liệu TNTT (6 bài) - Bộ tài liệu TNTT (9 bài) - Bộ tài liệu TNTT (8 bài) * Nội dung Tài liệu TNTT trùng với nội dung bài học chính khóa của một số bộ môn như: Đạo đức, TNXH, Khoa học... nên đã giảm tải theo từng khối (có chương trình cụ thể kèm theo)	Ghi rõ từng khối dạy vào tiết nào trong PPCT, TKB

Phụ lục 6
PHÂN CÔNG SHCM THEO NHÓM TRƯỜNG
Năm học 2023-2024

Cụm chuyên môn	Nhóm trường	Nhóm trường
Cụm 5	Đức Giang, Ngô Gia Tự, Hy Vọng, Thượng Thanh, Việt Hưng, Đoàn Khuê	Tin học: Thượng Thanh (đ/c Chương); Mĩ thuật: Đức Giang (đ/c Lan Anh); Âm nhạc: Đoàn Khuê (đ/c Hạnh); Giáo dục thể chất: Ngô Gia Tự (đ/c Hương)
	Gia Quát, Gia Thụy, Ngọc Lâm, Bồ Đề, Ái Mộ A, Ái Mộ B	Tin học: Gia Thụy (đ/c Trang); Mĩ thuật: Bồ Đề (đ/c Huyền); Âm nhạc: Ái Mộ A (đ/c Huyền); Giáo dục thể chất: Gia Thụy (Đ/c Dương)
	Gia Thượng, Ngọc Thụy, Lý Thường Kiệt, Thanh Am	Tin học: Gia Thượng (đ/c An); Mĩ thuật: Ngọc Thụy (đ/c Thúy); Âm nhạc: Thanh Am (đ/c Giang); Giáo dục thể chất: TH Thanh Am (đ/c Vân)
Cụm 6	Long Biên, Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Đô thị Sài Đồng, Nguyễn Bình Khiêm	Tin học: Sài Đồng (đ/c Linh); Mĩ thuật: Long Biên (đ/c Chi); Âm nhạc: Sài Đồng (đ/c Vân); Giáo dục thể chất: Vũ Xuân Thiều (đ/c Phú)
	Phúc Lợi, Đô thị Việt Hưng, Phúc Đồng, Giang Biên, Lê Quý Đôn	Tin học: Phúc Lợi (đ/c Yến); Mĩ thuật: Đô thị Việt Hưng (đ/c Nhân); Âm nhạc: Đô thị Việt Hưng (đ/c Hằng); Giáo dục thể chất: Phúc Đồng (đ/c Tú Anh)
	Cự Khối, Thạch Bàn A, Thạch Bàn B, Đoàn Kết	Tin học: Cự Khối (đ/c Nga); Mĩ thuật: Thạch Bàn A (đ/c Dung); Âm nhạc: Cự Khối (đ/c Nguyệt Anh); Giáo dục thể chất: Cự Khối (đ/c Út)

Phụ lục 7
KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN:.....

Môn học/hoạt động giáo dục.....;

Lớp:.....

Tên bài học:

Tiết số/ Tổng số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày tháng năm

1. Yêu cầu cần đạt:

- Học sinh thực hiện được (việc gì)
- Học sinh vận dụng được (những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống)
- Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển (phẩm chất, năng lực gì)

2. Đồ dùng dạy học:

Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Thời gian	ND các hoạt động dạy học	Phương pháp – Hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
	A. Hoạt động mở đầu: (khởi động, kết nối) <u>Mục tiêu</u>			

	B. Hoạt động Hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới (<i>đối với bài hình thành kiến thức mới</i>). Hoạt động <u>Mục tiêu</u> Hoạt động <u>Mục tiêu</u>			
	C. Hoạt động luyện tập, thực hành: <u>Mục tiêu</u>			
	D. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (nếu có) <u>Mục tiêu</u>			

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có).

Phụ lục 8 **ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY**

A. MỤC ĐÍCH

- Giúp giáo viên tiểu học làm căn cứ xây dựng kế hoạch bài dạy, tự đánh giá năng lực nghề nghiệp, từ đó nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học.
- Giúp các cấp quản lý giáo dục làm căn cứ để đánh giá giờ dạy của giáo viên, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giáo viên.

B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY

Đánh giá giờ dạy theo định hướng phát triển năng lực chủ yếu tập trung vào các nội dung (tiêu chuẩn): Hoạt động của giáo viên; Hoạt động của học sinh; Đánh giá chung. Mỗi nội dung (tiêu chuẩn) gồm các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể ở Phiếu đánh giá giờ dạy.

C. ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

- **Loại TỐT**: tổng điểm đạt từ 18 điểm đến 20 điểm; tất cả các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2 đạt ít nhất 1,0 điểm, trong đó mỗi tiêu chí : 1.1; 1.4; 2.2; 2.4 đạt ít nhất 2,0 điểm.
- **Loại KHÁ**: tổng điểm đạt từ 14 điểm đến dưới 18 điểm; tất cả các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2 đạt ít nhất 1,0 điểm.
- **Loại ĐẠT**: tổng điểm đạt từ 10 điểm đến dưới 14 điểm.
- **Loại CHƯA ĐẠT**: tổng điểm dưới 10 điểm.

Ghi chú:

Số điểm gợi ý của từng tiêu chí có thể điều chỉnh tùy theo mục tiêu đánh giá, khối lớp học, môn học, loại bài học, đảm bảo số điểm của 03 tiêu chuẩn: Hoạt động của giáo viên 8,0 điểm, Hoạt động của học sinh 8,0 điểm, Đánh giá chung 4,0 điểm.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY

Họ và tên người dự giờ:..... Đơn vị:.....
 Họ và tên người dạy :..... Đơn vị :.....
 Môn học/Hoạt động giáo dục:..... Tiết: Lớp:.....
 Bài:.....Bộ sách:

Nội dung (Tiêu chuẩn)	Tiêu chí		Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Hoạt động của giáo viên (8,0 điểm)	1.1	Nội dung, phương pháp và hình thức giao nhiệm vụ học tập cho học sinh đảm bảo chính xác, phù hợp, sinh động, hấp dẫn.	2,5	
	1.2	Theo dõi, quan sát, phát hiện và hỗ trợ kịp thời những khó khăn của học sinh.	1,5	
	1.3	Các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập đảm bảo phù hợp, hiệu quả.	1,5	
	1.4	Việc tổng hợp, phân tích, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh (làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng học sinh cần ghi nhận, thực hiện) đảm bảo chính xác, hiệu quả.	2,5	
2. Hoạt động của học sinh (8,0 điểm)	2.1	Học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.	1,5	
	2.2	Học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ học tập.	2,5	
	2.3	Học sinh tích cực tham gia trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.	1,5	
	2.4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh đảm bảo đúng đắn, chính xác, phù hợp.	2,5	
3. Đánh giá chung (4,0 điểm)	3.1	Mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng trong các hoạt động học đảm bảo phù hợp.	1,0	
	3.2	Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện mỗi hoạt động học của học sinh đảm bảo rõ ràng, chính xác.	1,0	
	3.3	Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh đảm bảo phù hợp.	1,0	
	3.4	Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh đảm bảo phù hợp.	1,0	
Tổng điểm			20,0	

Người dạy
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

D. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ

I. Hoạt động của giáo viên

1. Nội dung, phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập cho học sinh

Mức 1: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập phải hoàn thành, đảm bảo cho phần lớn học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ phải thực hiện.

Mức 2: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho hầu hết học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

Mức 3: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho 100% học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

2. Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện và hỗ trợ kịp thời những khó khăn của học sinh

Mức 1: Theo dõi, bao quát được quá trình hoạt động của học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được những học sinh/nhóm học sinh có yêu cầu được giúp đỡ hoặc có biểu hiện đang gặp khó khăn.

Mức 2: Quan sát được cụ thể quá trình hoạt động trong từng học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được khó khăn cụ thể mà học sinh/nhóm học sinh gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Mức 3: Quan sát được một cách chi tiết quá trình thực hiện nhiệm vụ đến từng học sinh/nhóm học sinh; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể và nguyên nhân mà từng học sinh/nhóm học sinh đang gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập

Mức 1: Đưa ra được những gợi ý, hướng dẫn cụ thể cho học sinh/nhóm học sinh vượt qua khó khăn và hoàn thành được nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 2: Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm (*hiểu sai, hiểu chưa đúng hoặc chưa đầy đủ*) có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng (*mang tính dẫn dắt, gợi ý, khái quát*) để học sinh/nhóm học sinh tiếp tục hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 3: Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm (*hiểu sai, hiểu chưa đúng hoặc chưa đầy đủ*) có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng (*mang tính dẫn dắt, gợi ý, khái quát*); khuyến khích được học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

4. Tổng hợp, phân tích, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh

Mức 1: Có câu hỏi định hướng để học sinh/nhóm học sinh tích cực tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm học tập lẫn nhau trong nhóm hoặc toàn lớp; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đẳng học sinh tiếp thu, ghi nhận.

Mức 2: Lựa chọn được một số sản phẩm học tập của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo, nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đẳng học sinh tiếp thu, ghi nhận.

Mức 3: Lựa chọn được một số sản phẩm học tập điển hình của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận, tự đánh giá và hoàn thiện được sản phẩm học tập của mình và của bạn.

II. Hoạt động của học sinh

1. Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

Mức 1: Nhiều học sinh tiếp nhận đúng nhiệm vụ và sẵn sàng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên vẫn còn một số học sinh bộc lộ chưa hiểu rõ nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 2: Phần lớn học sinh tiếp nhận đúng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên còn một vài học sinh bộc lộ thái độ chưa tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 3: Hầu hết học sinh tiếp nhận đúng và hăng hái, tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

2. Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập

Mức 1: Nhiều học sinh tỏ ra tích cực, chủ động hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, một số học sinh có biểu hiện dựa dẫm, chờ đợi.

Mức 2: Phần lớn học sinh tỏ ra tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; còn một vài học sinh lúng túng hoặc chưa thực sự tham gia vào hoạt động nhóm.

Mức 3: Hầu hết học sinh tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhiều học sinh/nhóm học sinh có sáng tạo trong cách thức thực hiện nhiệm vụ.

3. Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Mức 1: Nhiều học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; tuy nhiên, nhiều học sinh/nhóm học sinh thảo luận chưa sôi nổi; vai trò của nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) chưa thật nổi bật; vẫn còn một số học sinh không trình bày được quan điểm của mình hoặc tỏ ra không hợp tác trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Mức 2: Phần lớn học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; đa số học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; đa số nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đã biết cách điều hành thảo luận nhóm; nhưng vẫn còn một vài học sinh không tích cực trong quá trình làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Mức 3: Hầu hết học sinh tích cực, hăng hái, tự tin trong việc trình bày, trao đổi ý kiến, quan điểm của cá nhân; các học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; các nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đều tỏ ra biết cách điều hành và khái quát nội dung trao đổi, thảo luận của nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

4. Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

Mức 1: Nhiều học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa hoàn thành hoặc không hoàn thành hết nhiệm vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ còn chưa chính xác, phù hợp với yêu cầu.

Mức 2: Phần lớn học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; song vẫn còn một vài học sinh trình bày/điễn đạt kết quả chưa rõ ràng do chưa nắm vững yêu cầu.

Mức 3: Hầu hết học sinh đều trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; nhiều câu trả lời/đáp án mà học sinh đưa ra thể hiện sự sáng tạo trong suy nghĩ và cách thể hiện.

III. Đánh giá chung

1. Mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng trong các hoạt động học

Mức 1: Kiến thức/kĩ năng mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức/kĩ năng mới. Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức/kĩ năng mới học nhưng chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập. Có yêu cầu học sinh liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 2: Kiến thức/kĩ năng mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể. Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 3: Kiến thức/kĩ năng mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể. Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng.

2. Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động học

Mức 1: Nội dung của mỗi hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động của học sinh/nhóm học sinh nhằm hoàn thành sản phẩm học tập.

Mức 2: Nội dung và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức tổ chức hoạt động cho học sinh được trình bày cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.

Mức 3: Nội dung và cách thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; cách thức tổ chức hoạt động học cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học

Mức 1: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà học sinh hoạt động với thiết bị dạy học và học liệu đó.

Mức 2: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.

Mức 3: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh

Mức 1: Phương án kiểm tra, đánh giá sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa rõ phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của học sinh.

Mức 2: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học.

Mức 3: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học./.

Phụ lục 9**CÁC BIỂU MẪU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC CHUYÊN ĐỀ CHUYÊN MÔN**

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

ĐỀ XUẤT
THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ NĂM HỌC 2023 – 2024

TT	Môn (phân môn)	Lớp	Mục đích chuyên đề	Ghi chú	
				Trường có đăng kí thực hiện hay không	Thời gian đăng kí thực hiện, người thực hiện, tên bài dạy
1					
2					
3					
4					
5					

HIỆU TRƯỞNG

Các đề xuất của nhà trường gửi về hòm thư chậm nhất ngày

LỊCH DỰ CHUYÊN ĐỀ, TẬP HUẤN CẤP THÀNH PHỐ VÀ TỔ CHỨC CHUYÊN ĐỀ, TẬP HUẤN CẤP QUẬN
Năm học 2023 - 2024

TT	Tên chuyên đề	Dự cấp Thành phố			Thực hiện chuyên đề cấp Quận		
		Thời gian, địa điểm	Thành phần dự		Đơn vị thực hiện	Thời gian	Thành phần dự
			Phòng GD&ĐT	Trường TH			

Thời gian và địa điểm cụ thể các chuyên đề cấp quận sẽ thông báo trong lịch công tác tuần

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

LỊCH THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ
Năm học 2023 -2024

TT	Họ và tên Giáo viên thực hiện (Nhóm giáo viên thực hiện)	Dạy lớp	Bài dạy	Ngày dạy Tuần	Mục đích chuyên đề

HIỆU TRƯỞNG

Gồm tất cả các môn, các PPDH – kĩ thuật dạy học tích cực
 (Gửi về hòm thư chậm nhất ngày)

